

Số: 21/2020/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT
TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 189/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phê duyệt chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nằm trong Danh mục một số ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các hình thức liên kết:

1. Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

2. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

3. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

4. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, gồm:

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân);

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký kinh doanh;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Doanh nghiệp.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết cho chủ trì liên kết bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Không quá 300 triệu đồng/dự án liên kết;

b) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Không quá 250 triệu đồng/dự án liên kết;

c) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Không quá 250 triệu đồng/dự án liên kết;

d) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Không quá 200 triệu đồng/dự án liên kết.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với dự án liên kết trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

b) Mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án liên kết.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết điểm

a) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình bao gồm, chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu cho các hợp tác xã, trang trại để xây dựng mô hình liên kết điểm nhưng không quá 01 tỷ đồng/mô hình;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 02 tỷ đồng/mô hình đối với mô hình liên kết điểm thực hiện tại huyện Côn Đảo và các xã có thôn, ấp đặc biệt khó khăn theo danh sách đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

4. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã cho các bên tham gia liên kết

a) Hỗ trợ xây dựng và đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa (bao gồm tem truy xuất nguồn gốc điện tử): Hỗ trợ 20 triệu đồng/nhãn hiệu hàng hóa;

b) Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua cây giống, vật tư thiết yếu, gồm:

Cây giống, vật tư	Mức hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ
Cây rau các loại	10 triệu đồng/ha/vụ	Không quá 03 vụ sản xuất
Nấm ăn các loại	50 triệu đồng/1.000m ² diện tích trồng	Không quá 03 chu kỳ sản xuất
Hoa ngắn ngày các loại	15 triệu đồng/1.000 đơn vị (gốc hoặc chậu)	Không quá 03 chu kỳ sản xuất
Cây dược liệu	20 triệu đồng/ha/vụ	Không quá 03 vụ sản xuất
Cây lương thực	12 triệu đồng/ha/vụ	Không quá 03 vụ sản xuất
Cây công nghiệp, cây ăn quả	15 triệu đồng/ha/năm	Không quá 03 năm

c) Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 50% chi phí mua con giống, vật tư thiết yếu cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết trong chăn nuôi, gồm:

Con giống, vật tư	Mức hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ
chăn nuôi gà (thương phẩm)	70 triệu đồng/chu kỳ sản xuất/10.000 con	Không quá 03 chu kỳ sản xuất
Liên kết chăn nuôi heo (thịt)	50 triệu đồng/chu kỳ sản xuất/100 con	Không quá 03 chu kỳ sản xuất
Liên kết chăn nuôi bò (thịt)	50 triệu đồng/chu kỳ sản xuất/10 con	Không quá 02 chu kỳ sản xuất.

d) Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, vật tư thiết yếu trong liên kết trong nuôi trồng thủy sản, mức hỗ trợ không quá 90 triệu đồng/ha. Thời gian hỗ trợ không quá 03 vụ sản xuất.

5. Hỗ trợ 40% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án liên kết khi áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), cụ thể:

a) Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hộ;

b) Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ không quá 18 triệu đồng/hộ;

c) Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ không quá 17 triệu đồng/hộ.

6. Thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Mười chín thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỌA

Mai Ngọc Thuận

(Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân)